

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Cung cấp điện (22829101)

Ngày thi: 08/11/2023

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 29

Số bài thi: 25

Số tờ giấy thi: 32

Trần Thị Kiều
Trần Thị Huyền
Mai Văn Kiệt

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050050	Lê Đình Trường	An	02/09/2004	CCQ2205B	1	An	9,0	8,5	8,7
2	2122050060	Thái Quyền	Anh	24/02/2004	CCQ2205B			5,5		
3	2122050004	Trương Khánh	Ấu	12/08/2004	CCQ2205A	1	Ấu	8,0	7,8	7,9
4	2122050009	Nguyễn Thành Thanh	Bảo	14/05/2004	CCQ2205A	2	Bảo	8,4	7,5	7,9
5	2122050047	Nguyễn Tấn	Chiến	25/06/2004	CCQ2205B					
6	2122050043	Đặng Quốc	Cường	18/03/2004	CCQ2205B	1	Cường	7,4	0,0	3,0
7	2122050022	Mai Quang	Đại	10/06/2004	CCQ2205A	4	Đại	8,8	5,0	6,5
8	2122050038	Phạm Thanh	Diễn	05/05/2004	CCQ2205B	1	Diễn	7,8	2,0	4,3
9	2122050008	Lưu Bá	Đông	27/07/1998	CCQ2205A	1	Bá	9,0	5,0	6,6
10	2122050062	Nguyễn Trung	Đức	16/01/2003	CCQ2205B	1	Đức	8,5	5,0	6,4
11	2122050040	Vũ Văn Hùng	Dũng	23/09/2003	CCQ2205B	1	Hùng	7,5	1,5	3,9
12	2122050146	Bùi Quốc	Duy	06/01/2004	CCQ2205B					
13	2122050026	Nguyễn Xuân	Duy	09/12/2004	CCQ2205A	1	Xuân	7,6	2,0	4,3
14	2122050042	Trần Lê Nhật	Duy	06/11/2004	CCQ2205B	1	Đức	8,3	5,0	6,3
15	2122050012	Huỳnh Ngô Phước	Hải	26/03/2004	CCQ2205A	1	Hải	6,5	1,0	3,2
16	2122050120	Phạm Thanh	Hải	25/01/2004	CCQ2205A	1	Hải	7,1	1,5	3,8
17	2122050119	Trương Minh	Hiền	16/11/2004	CCQ2205A	1	Minh	7,8	3,5	5,2
18	2122050037	Nguyễn Trung	Hiếu	04/04/2004	CCQ2205B	1	Hiếu	8,0	8,5	8,3
19	2122050023	Trần Hữu	Hoàng	09/12/2004	CCQ2205A	2	Hữu	7,4	5,0	6,0
20	2122050036	Võ Phước	Hơn	16/04/2004	CCQ2205B	1	Hơn	9,1	6,5	7,6
21	2122050005	Nguyễn Văn	Hùng	08/07/2004	CCQ2205A					
22	2122050059	Phan Trọng	Hữu	23/03/2004	CCQ2205B	1	Trọng	7,0	4,0	5,2
23	2122050054	Vũ Gia	Huy	04/06/2004	CCQ2205B			5,4		
24	2122050046	Đoàn Minh	Khải	29/07/2004	CCQ2205B	1	Khải	7,5	1,5	3,9
25	2122050045	Phan Văn	Khải	31/08/2003	CCQ2205B	1	Khải	7,5	1,5	3,9
26	2122050029	Lương Duy	Khoa	11/06/2003	CCQ2205A	1	Khoa	8,8	8,5	8,6
27	2122050053	Nguyễn Phạm Hoàng	Minh	20/11/2004	CCQ2205B	2	Minh	8,3	8,5	8,4
28	2121050063	Đỗ Duy	Ngọc	14/11/2003	CCQ2105B	1	Ngọc	8,1	4,5	4,2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Cung cấp điện (22829101)

Ngày thi: 08/11/2023

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 29

Số bài thi: 29

Số tờ giấy thi: 88.22

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2122050015	Trương Đắc Ngọc	17/09/2004	CCQ2205A	1	ngoc	6,1	1,0	3,1
30	2122050067	Nguyễn Tấn Gia	30/04/2004	CCQ2205B	1	Nguyen	8,5	7,0	7,6
31	2122050020	Nguyễn Lê Hiếu	17/11/2004	CCQ2205A	1	erhuat	9,0	9,5	9,3
32	2122050136	Trần Khắc Nhân	24/03/2004	CCQ2205B	1	nhân	6,3	2,0	3,7
33	2122050031	Đào Minh Nhật	31/01/2004	CCQ2205A	1	th	8,3	7,0	7,5
34	2122050017	Huỳnh Tuấn Nhật	05/03/2004	CCQ2205A	1	nhay	9,0	7,5	8,1

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Cung cấp điện (22829101)

Ngày thi: 08/11/2023

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D6-33

Số SV có mặt: 32

Số bài thi: 32

Số tờ giấy thi: 36

Thánh liệt
Trần T. Lan
Đoàn T. Lan
Đoàn T. Lan

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050003	Nguyễn Minh Nhật	06/01/2004	CCQ2205A	1	<i>M</i>	6,6	0,0	2,7
2	2122050068	Nguyễn Hữu Phát	19/02/2003	CCQ2205B	1	<i>P</i>	6,8	1,0	3,3
3	2122050118	Lê Tuấn Phong	02/08/2004	CCQ2205A	1	<i>Phong</i>	6,5	0,0	2,6
4	2122050069	Huỳnh Ngọc Phúc	10/12/2003	CCQ2205B	1	<i>Phúc</i>	7,6	5,0	6,1
5	2122050057	Lê Quang Phương	03/08/2004	CCQ2205B	1	<i>Ph</i>	8,0	7,5	7,7
6	2122050049	Đặng Minh Quân	17/06/2004	CCQ2205B					
7	2122050028	Lê Mậu Hải	09/03/2004	CCQ2205A	1	<i>Qu</i>	6,4	7,0	6,8
8	2122050056	Lê Thanh Quang	24/11/2004	CCQ2205B	1	<i>Qu</i>	7,5	4,5	5,7
9	2122050032	Lê Nam Quốc	26/03/2004	CCQ2205A	1	<i>Qu</i>	9,0	8,5	8,7
10	2122050135	Nguyễn Hoàng Quốc	08/03/2004	CCQ2205A	1	<i>Quốc</i>	7,5	8,0	7,8
11	2122050137	Trần Văn Quốc	11/02/2004	CCQ2205B					
12	2122050121	Lê Đình Sơn	07/04/2004	CCQ2205A	1	<i>S</i>	7,3	0,0	2,9
13	2122050018	Trương Tấn Tài	02/01/2004	CCQ2205A	2	<i>T</i>	7,8	5,5	6,4
14	2121050054	Đặng Đức Tân	17/06/2003	CCQ2105B	1	<i>T</i>	7,9	6,5	7,1
15	2122050007	Nguyễn Duy Tân	20/01/2004	CCQ2205A	1	<i>T</i>	7,4	5,5	6,3
16	2122050027	Nguyễn Thành Thái	13/04/2004	CCQ2205A	2	<i>T</i>	9,0	1,0	9,6
17	2122050051	Tô Đình Thành	18/06/2004	CCQ2205B	1	<i>T</i>	8,1	8,5	8,4
18	2122050061	Huỳnh Quốc Thịnh	03/07/2004	CCQ2205B	2	<i>T</i>	8,9	8,5	8,7
19	2122050055	Trần Ngọc Thông	03/07/2004	CCQ2205B	1	<i>T</i>	7,0	0,0	2,8
20	2122050030	Khê Như Thuận	13/09/2004	CCQ2205A	1	<i>T</i>	6,6	5,5	6,0
21	2122050019	Nguyễn Văn Minh Thuận	12/03/2004	CCQ2205A	2	<i>T</i>	8,8	7,0	7,7
22	2122050021	Phạm Văn Thiện Thuật	19/01/2001	CCQ2205A	1	<i>T</i>	8,1	4,0	5,7
23	2122050006	Nguyễn Duy Tiên	09/01/2003	CCQ2205A	1	<i>T</i>	6,8	5,0	5,7
24	2122050066	Hồ Mạnh Trinh	27/03/2004	CCQ2205B	1	<i>T</i>	8,0	7,0	7,4
25	2122050035	Đào Phú Minh Trịnh	11/04/2004	CCQ2205A	1	<i>T</i>	7,6	6,5	7,0
26	2122050058	Đặng Minh Trọng	12/02/2004	CCQ2205B	1	<i>T</i>	7,5	5,0	6,0
27	2122050025	Đặng Minh Trục	07/01/2004	CCQ2205A	1	<i>T</i>	8,5	2,0	4,6
28	2122050014	Huỳnh Văn Trường	07/01/2004	CCQ2205A	1	<i>T</i>	7,0	0,0	2,8

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Cung cấp điện (22829101)

Ngày thi: 08/11/2023

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D6-33

Số SV có mặt: 32

Số bài thi: 32

Số tờ giấy thi: 36

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2122050016	Hồ Minh Tuấn	22/08/2004	CCQ2205A	1	Tuấn	5,8	0,0	2,3
30	2122050024	Nguyễn Văn Tuấn	24/08/2004	CCQ2205A	1	Tuấn	7,5	3,5	5,1
31	2122050039	Lê Văn Tường	01/04/2004	CCQ2205B	1	Tường	8,5	3,5	5,5
32	2122140015	Ngô Hoàng Việt	07/07/2004	CCQ2205A	1	V	8,8	4,0	5,9
33	2122050010	Nguyễn Quốc Tuấn	17/05/2004	CCQ2205A	1	Qu	7,5	1,0	3,6
34	2122110207	Nguyễn Trí Tuấn	14/03/2004	CCQ2205B	1	Tr	7,3	7,0	7,1
35	2122050145	Nguyễn Thanh Vương	24/08/2004	CCQ2205B					